TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2019/DS-ST Ngày: 14 - 5 - 2019 Về vụ:*"Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản".*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Trí;
2. Ông Nguyễn Văn Thư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thu Hiền– Kiểm sát Vên.

Ngày 14/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2018/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2018 về Vệc: "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà L *(Tên gọi khác: Ư)* - Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà H - Sinh năm: 1978; Ông A – sinh năm: 1975; Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà V *(Còn có tên I)* – sinh năm: 1969; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản H giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày:*

Vào năm 2017, thông qua bà V, bà L cho vợ chồng bà H, ông A vay số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng),* lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể mà thỏa thuận vợ chồng bà H sẽ trả trong thời gian sớm nhất. Ngày 18/6/2017 (AL) bà L đưa cho bà V số tiền 30.000.000đ để bà V đưa cho vợ chồng ông A. Cùng ngày, vợ chồng ông A nhận tiền, ông A Viết giấy vay số tiền trên, do bà L có tên thường gọi là Ư, nên khi Viết giấy vay tiền, ông A đã Viết vay tiền "cô Ư". Bà H, ông A cùng ký vào

giấy vay tiền. Sau khi vay, vợ chồng ông A, bà H trả 03 tháng lãi, mỗi tháng 750.000đ, thành tiền 2.250.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi. Sau đó, bà H, ông A không trả một khoản tiền gốc, lãi nào. Bà L đòi nhiều lần, vợ chồng bà H hứa sẽ trả, nhưng không trả nên bà L làm đơn khởi kiện bà H, ông A. Sau khi bà L kiện, ngày 18/12/2018 (AL), thông qua bà V, vợ chồng bà H đã trả số tiền là 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*. Số còn lại 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)* đến nay chưa trả.

Nay, bà L yêu cầu vợ chồng bà H, ông A phải trả lại cho bà số tiền gốc: 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng),* không yêu cầu lãi.

** Bị đơn vợ chồng ông A, bà H* đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành H giải được.

Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Đông H phát biểu ý kiến:

+ Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)*. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn bà H, ông A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H, ông A.

[2] Về nội dung:

Xét thấy: Qua xác minh, bà L còn có tên gọi là Ư. Bà L cung cấp 01 giấy nợ gốc đề ngày 18/6/2017 (AL), có nội dung vợ chồng ông A, bà H vay của bà Ư *(tên gọi khác của bà L)* số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, hứa sẽ trả lại trong thời gian sớm nhất, có chữ ký của ông H bà A. Người làm chứng bà V khai: Vào năm 2017, vợ chồng ông A, bà H nhờ bà V nói với bà L cho vay tiền. Vì là chỗ quen biết, nên bà V đồng ý hỏi bà L giúp bà H, ông A. Bà L đồng ý cho ông A, bà H vay 30.000.000đ. Bà L đưa cho bà V số tiền này và bà V đưa cho vợ chồng ông A. Ngày 18/6/2017 (AL), vợ chồng ông A nhận tiền và ông A Viết giấy vay bà Ư *(tên gọi khác của bà L)* số tiền trên; bà H, ông A cùng ký vào giấy nợ rồi đưa cho bà V, bà V đưa cho bà L.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết, vợ chồng ông A, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn nên đủ cơ sở xác định bà H, ông A có vay của bà L số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* là sự thật.

Bà L khai sau khi vay, vợ chồng bà H đã trả được 2.250.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi. Xét: Bà L khai lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, đối chiếu với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi thỏa thuận nói trên vượt qúa mức cho phép. Tuy nhiên, vợ chồng bà H vay tiền của bà L vào ngày 18/6/2017 (AL) và từ đó đến nay chỉ trả được tổng số lãi: 2.250.000đ. Như vậy, số tiền lãi đã trả này chưa vượt quá mức quy định và bà L không yêu cầu gì về lãi nên không xét.

Đối với yêu cầu trả gốc: Bà L thừa nhận vợ chồng bà H đã trả được số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng),* Vệc này phù hợp với số tiền trả ghi trong giấy vay tiền nói trên.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L: Buộc vợ chồng bà H, ông A phải trả cho bà L số tiền: 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng).*

[3] Về án phí: Bị đơn bà H và ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 1.250.000đ *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).* Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà L: Buộc vợ chồng bà H, ông A phải trả cho bà L số tiền: 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà H và ông A phải chịu: 1.250.000đ *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).*

Hoàn lại cho bà L số tiền: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0013671 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Thanh Huệ